

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày 20-5-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý;

Ông Tạ Kỳ Trung.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Võ Trường Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2024/TLST-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Thị M, sinh năm 1967, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố B, thị trấn G, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Tô Thị Ch (đã chết); chồng là Đặng Văn Th (đã ly hôn); con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án: có 03 tiền án:

+ Tại Bản án số 44/2010/HSST ngày 17/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh, áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên phạt Lê Thị M 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam Cây Cày đến ngày 01/4/2011 chấp hành xong; án phí, phạt bổ sung chấp hành xong ngày 26/6/2015 (chưa được xóa án tích).

+ Tại Bản án số 39/2015/HSST ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh Long An, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên phạt Lê Thị M 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam Tổng Lê Chân chung với Bản án số

37/2016/HSST ngày 25/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đến ngày 18/3/2022 chấp hành xong (chưa được xóa án tích).

+ Tại Bản án số 37/2016/HSST ngày 25/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh, áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên phạt Lê Thị M 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp hình phạt với Bản án số 39/2015/HSST ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An, buộc Lê Thị M phải chấp hành chung là 07 năm tù. Chấp hành án tại Trại giam Tổng Lê Chân đến ngày 18/3/2022 chấp hành xong (chưa được xóa án tích).

Tiền sự: không; nhân thân:

+ Tại Bản án số 01/ST ngày 01/02/1991 của Tòa án nhân dân thị xã TN (nay là thành phố TN), tỉnh Tây Ninh đã tuyên phạt Lê Thị M 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” (được coi là không có án tích).

+ Tại Bản án số 07/HSST ngày 14/3/1996 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh đã tuyên phạt Lê Thị M 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” (được coi là không có án tích).

+ Tại Bản án số 37/HSPT ngày 09/6/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên phạt Lê Thị M 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” (được coi là không có án tích).

+ Tại Bản án số 66/1998/HSST ngày 03/11/1998 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã tuyên phạt Lê Thị M 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” (được coi là không có án tích).

+ Tại Bản án số 09/HSST ngày 10/02/2004 của Tòa án nhân dân huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh đã tuyên phạt Lê Thị M 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (được coi là không có án tích).

+ Tại Bản án số 73/2006/HSST ngày 28/8/2006 của Tòa án nhân dân huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh đã tuyên phạt Lê Thị M 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (được coi là không có án tích).

+ Tại Bản án số 43/2011/HSST ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh đã tuyên phạt Lê Thị M 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, chấp hành án tại Trại giam An Phước (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 21/01/2024, tạm giam ngày 24/01/2024 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** chị Đoàn Thị G, sinh năm 1989; cư trú tại: khu phố AP, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 21/01/2024, Lê Thị M một mình điều khiển xe mô tô biển số 70K6-4488 đi từ nhà tại khu phố B, thị trấn G, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đến khu vực phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 08 giờ 50 phút cùng ngày, M đi đến nhà chị Đoàn Thị G ngụ khu phố AP, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện có cửa hàng bán giấy vệ sinh không có người lớn quản lý mà chỉ có cháu Trần Đoàn T, sinh năm 2013 và cháu Trần VH, sinh năm 2011 trông coi. Sau đó, M dừng xe lại, đi vào trong hẻm mua 03 bịch giấy vệ sinh và đưa tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cho cháu T để lợi dụng lúc cháu T vào phòng ngủ lấy tiền thối không để ý, M đi theo vào phòng ngủ lấy trộm số tiền 10.320.000 đồng để trong ngăn tủ quần áo bỏ vào trong túi quần bên trái đang mặc trên người rồi bỏ đi ra ngoài. Khi M điều khiển xe chạy đi thì bị cháu T phát hiện truy hô thì bị người dân phối hợp cùng lực lượng Công an phường A đuổi theo bắt quả tang cùng tang vật.

Trong quá trình điều tra, Lê Thị M đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. M đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

Cáo trạng số 29/CT-VKSTrB ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố Lê Thị M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận chị Đoàn Thị G đã nhận lại số tiền 10.320.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thể hiện rõ yêu cầu của bị hại và việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Lê Thị M đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” chưa được xóa án tích nhưng vì để có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân, vào khoảng 08 giờ 50 phút ngày 21/01/2024, tại khu phố AP, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Lê Thị M đã tiếp tục thực hiện hành vi lấy trộm của chị Đoàn Thị G số tiền 10.320.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: hành vi của bị cáo Lê Thị M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục cố ý phạm tội mới nên lần phạm tội này của bị cáo là “tái phạm nguy hiểm”. Lẽ ra, sau nhiều lần chấp hành hình phạt tù thì khi trở về địa phương bị cáo phải tự tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, tìm kiếm cho mình một công việc phù hợp để lao động chính đáng tạo thu nhập nuôi sống bản thân, sống có ích cho xã hội nhưng với bản tính lười biếng lao động, thích hưởng thụ và muốn có tiền tiêu xài mà không phải tốn công sức cực nhọc nên bị cáo lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài

sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống nhân dân. Bị cáo đã nhiều lần chấp hành án nhưng tiếp tục tái phạm chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần phải xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử còn xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Cụ thể:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: qua điều tra, xác minh bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự: chị Đoàn Thị G đã nhận lại số tiền 10.320.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không đặt ra giải quyết.

[6.2] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng tiền Việt Nam thu giữ của bị cáo M được bị cáo sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể là để lợi dụng lúc cháu T đi lấy tiền thối không chú ý mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền này.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa là có căn cứ.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 21/01/2024.

2. Các biện pháp tư pháp:

2.1. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận chị Đoàn Thị G đã nhận lại số tiền 10.320.000 (mười triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

2.2. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, tiền Việt Nam.

3. Án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao TP.HCM;
- Phòng KTNV. TATTN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư